

Số: 3241 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phân bổ gạo hỗ trợ cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (Học kỳ I năm học 2024-2025)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/QĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Định về quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Định về quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 15777/BTC-TCĐT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2446/TTr-SGDĐT ngày 12/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ gạo hỗ trợ cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (học kỳ I năm học 2024-2025); cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: Học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ: 15kg gạo/01 tháng/học sinh.

3. Thời gian hỗ trợ: 04 tháng của học kỳ I năm học 2024-2025 (từ tháng 09/2024 đến tháng 12/2024).

4. Tổng số học sinh được hỗ trợ: 1.580 học sinh; trong đó:

+ 900 học sinh bán trú đang học trong trường phổ thông dân tộc bán trú;

+ 46 học sinh tiểu học, trung học cơ sở mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi đang học tại trường tiểu học, trường THCS đóng trên địa bàn thuộc khu vực III;

+ 634 học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số (hoặc học sinh người Kinh) mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu tại các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đang học tại trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông tại trường phổ thông có nhiều cấp học; trong đó học sinh là người dân tộc thiểu số: 622 học sinh.

5. Tổng số gạo được hỗ trợ: 91,365 tấn (sau khi trừ số gạo còn lại của học kỳ II năm học 2023-2024 tại các đơn vị chuyển sang: 1,755 tấn gạo)

(Chi tiết theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm)

6. Địa điểm giao nhận gạo hỗ trợ: Tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố.

7. Thời gian thực hiện: Theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo: Là cơ quan đầu mối; chủ trì, phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc giao nhận gạo hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; thường xuyên theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện cho Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị được nhận gạo: Căn cứ Quyết định này, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và cấp đúng đối tượng, cấp đủ số lượng gạo theo quy định hiện hành của Nhà nước; bố trí kinh phí bốc xếp gạo từ phương tiện vận chuyển tại trung tâm huyện, thị xã, thành phố (tiếp nhận từ Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình) và vận chuyển gạo đến các địa điểm để cấp phát cho các đối tượng được hỗ trợ.

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện việc nhận, cấp phát gạo hỗ trợ; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí, tiêu cực, gây phiền hà cho các đơn vị, cá nhân được nhận gạo hỗ trợ.

3. Sở Tài chính: Có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Đề nghị Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình: Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh thực hiện việc giao nhận gạo hỗ trợ theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TC, Bộ GD&ĐT (b/cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K9.



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực ĐBKK vùng bãi ngang)	Tổng số học sinh thụ hưởng	Học sinh bán trú đang học tại trường phổ thông dân tộc bán trú		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo	
				Chia ra		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo dân tộc	
				Học sinh tiểu học	Học sinh THCS	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	10 Km trở lên	2 Km trở lên	Dân tộc thiểu số	Dân tộc Kinh
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
IV	Phòng GD và ĐT Vân Canh		182	0	182	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trường PTDTBT Canh Liên		96		96												
2	Trường THCS bán trú Canh Thuận		86		86												
B	TR. THPT THUỘC SỞ QUẢN LÝ		634	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	634	0	622	12
I	Huyện Tuy Phước		1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	
1	Trường THPT số 1 Tuy Phước		1										1			1	
II	Huyện Tây Sơn		13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	13	0	13	0	
1	Trường THPT Quang Trung		1										1		1		
2	Trường THPT Nguyễn Huệ		12										12		12		
III	Huyện Hoài Ân		70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	70	0	70	0	
1	Trường THPT Trần Quang Diệu		70										70		70		
IV	Huyện An Lão		142	0	0	0	0	0	0	0	0	0	142	0	142	0	
1	Tr. PTDTNT THCS&THPT An Lão		142										142		142		
V	Huyện Vĩnh Thạnh		270	0	0	0	0	0	0	0	0	0	270	0	259	11	
1	Trường THPT Vĩnh Thạnh		11										11		0	11	
2	Tr.PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh		259										259		259		
VI	Huyện Vân Canh		138	0	0	0	0	0	0	0	0	0	138	0	138	0	
1	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh		138										138		138		

Phụ lục 02

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH HỖ TRỢ GẠO DỰ TRỮ QUỐC GIA CHO HỌC SINH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP**Thời gian hỗ trợ: 4 tháng của học kỳ I năm học 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ gạo học năm học 2024-2025	Định mức hỗ trợ gạo (tấn/học sinh/tháng)	Số tháng đề nghị hỗ trợ của năm học 2024-2025	Nhu cầu gạo đề nghị hỗ trợ của năm học 2024-2025 (1.000 kg)	Số lượng gạo còn thừa chưa cấp phát đến học sinh của học kỳ II năm học 2023-2024 (1.000 kg)	Nhu cầu gạo đề nghị được hỗ trợ của năm học 2024-2025 sau khi giảm trừ số gạo còn thừa học kỳ II năm học 2023-2024 (1.000 kg)	Số lượng gạo cấp phát học kỳ II năm học 2024-2025 (1.000 kg)	Số lượng gạo còn thiếu bổ sung cho học kỳ sau của năm học 2024-2025 (1.000kg)
	A	I	2	3	4	5	6	7=5-6	8	9=7-8
	TỔNG CỘNG (A+B)		1.580			94,800	1,755	93,045	91,365	1,680
A	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		946			56,760	0,135	56,625	56,625	0,000
I	Phòng GD và ĐT Tây Sơn		74			4,440	0,000	4,440	4,440	
1	Trường PTDTBT Tây Sơn		74	0,015	4	4,440		4,440	4,440	
II	Phòng GD và ĐT An Lão		355			21,300	0,000	21,300	21,300	
1	Trường PTDTBT An Lão		206	0,015	4	12,360		12,360	12,360	
2	Trường PTDTBT Đinh Ruồi		117	0,015	4	7,020		7,020	7,020	
3	Trường tiểu học An Trung	III	0	0,015	4	0,000		0,000	0,000	
4	Trường tiểu học An Nghĩa	III	32	0,015	4	1,920		1,920	1,920	
III	Phòng GD và ĐT Vĩnh Thạnh		335			20,100	0,075	20,025	20,025	
1	Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn		193	0,015	4	11,580		11,580	11,580	
2	Tr. PTDTBT TH & THCS Vĩnh Kim		128	0,015	4	7,680	0,075	7,605	7,605	
3	Trường THCS Vĩnh Hiệp	III	14	0,015	4	0,840		0,840	0,840	
IV	Phòng GD và ĐT Vân Canh		182			10,920	0,060	10,860	10,860	
1	Trường PTDTBT Canh Liên		96	0,015	4	5,760		5,760	5,76	
2	Trường THCS bán trú Canh Thuận		86	0,015	4	5,160	0,060	5,100	5,1	
B	TR. THPT THUỘC SỞ QUẢN LÝ		634			38,040	1,620	36,420	34,740	1,680
I	Huyện Tuy Phước		1			0,060	0,000	0,060	0,060	
1	Trường THPT số 1 Tuy Phước		1	0,015	4	0,060		0,060	0,06	
II	Huyện Tây Sơn		13			0,780	0,000	0,780	0,780	
1	Trường THPT Quang Trung		1	0,015	4	0,060		0,060	0,06	
2	Trường THPT Nguyễn Huệ		12	0,015	4	0,720		0,720	0,72	
III	Huyện Hoài Ân		70			4,200	0,300	3,900	3,900	
1	Trường THPT Trần Quang Diệu		70	0,015	4	4,200	0,300	3,900	3,9	
IV	Huyện An Lão		142			8,520	0,525	7,995	7,395	0,600
1	Tr. PTDTNT THCS&THPT An Lão		142	0,015	4	8,520	0,525	7,995	7,395	0,600
V	Huyện Vĩnh Thạnh		270			16,200	0,420	15,780	15,240	0,540
1	Trường THPT Vĩnh Thạnh		11	0,015	4	0,660	0,225	0,435	0,435	
2	Tr.PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh		259	0,015	4	15,540	0,195	15,345	14,805	0,540
VI	Huyện Vân Canh		138			8,280	0,375	7,905	7,365	0,540
1	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh		138	0,015	4	8,280	0,375	7,905	7,365	0,540